

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi gần nhất lần thứ 35 ngày 14/11/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Tên tiếng anh: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION.

Tên viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 35 ngày 14/11/2025 là 1.100.889.030.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn một trăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã ELC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Số: 429/2026/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM, được lập ngày 26/8/2026, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

				01/01/2026
				VND
TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026 VND	(Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)	100		1.463.499.650.237	1.701.380.318.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	119.838.746.364	416.663.821.749
1. Tiền	111		97.415.479.283	134.571.470.940
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.423.267.081	282.092.350.809
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	148.729.039.661	199.026.561.518
1. Chứng khoán kinh doanh	121		749.959.368	749.959.368
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(451.721.768)	(381.144.768)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		148.430.802.061	198.657.746.918
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		813.305.197.057	861.118.202.251
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	639.409.152.231	769.897.202.469
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	117.823.950.386	69.040.318.706
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	149.871.226.766	112.730.528.248
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(93.799.132.326)	(90.549.847.172)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	365.330.750.997	219.005.443.184
1. Hàng tồn kho	141		365.330.750.997	219.005.443.184
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		16.295.916.158	5.566.289.843
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	849.454.750	501.566.033
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		15.408.805.477	4.951.018.261
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.17	37.655.931	113.705.549
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		919.295.355.576	793.683.503.449
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		138.220.719.714	138.188.553.512
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	13.000.000.000	13.000.000.000
5. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	125.220.719.714	125.188.553.512
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		99.566.335.739	104.480.337.693
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	88.391.968.105	91.624.741.959
- Nguyên giá	222		150.849.660.551	146.335.156.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.457.692.446)	(54.710.414.482)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	11.174.367.634	12.855.595.734
- Nguyên giá	228		20.132.434.934	20.132.434.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.958.067.300)	(7.276.839.200)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.11	7.277.895.962	7.506.445.322
1. Nguyên giá	241		18.171.592.354	18.171.592.354
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(10.893.696.392)	(10.665.147.032)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		148.377.030.187	141.110.562.421
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.12	148.377.030.187	141.110.562.421
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	228.920.158.822	103.344.580.909
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	262		30.290.521.564	30.290.521.564
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		109.036.510.000	79.036.510.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(6.239.683.859)	(5.982.450.655)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		95.832.811.117	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		296.933.215.152	299.053.023.592
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	296.619.063.761	298.887.071.775
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.13	138.293.181	165.951.817
5. Lợi thế thương mại			175.858.210	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		2.382.795.005.813	2.495.063.821.994

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		823.953.844.461	948.983.966.999
I. Nợ ngắn hạn	310		575.025.619.276	693.480.545.605
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	232.596.078.329	300.232.497.958
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	125.363.981.665	108.187.719.496
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.16	1.066.150.648	1.066.150.648
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.17	8.830.742.541	24.231.983.869
5. Phải trả người lao động	315		6.113.183.698	9.156.070.399
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.18	412.566.596	8.765.230.802
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	5.19	2.779.135.095	3.874.821.867
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.20	5.153.125.431	4.545.105.543
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.23	181.186.938.485	226.093.019.518
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	5.21	3.110.566.980	680.184.597
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.413.149.808	6.647.760.908
II. Nợ dài hạn	330		248.928.225.185	255.503.421.394
8. Phải trả dài hạn khác	338	5.20	8.309.337.743	8.036.956.547
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.23	170.118.795.110	170.118.795.110
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	5.22	61.169.747.242	62.241.382.018
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	5.21	9.330.345.090	15.106.287.719
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.24	1.558.841.161.352	1.546.079.854.995
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.889.030.000	1.100.889.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.889.030.000	1.100.889.030.000
2. Thặng dư vốn	412		(313.500.000)	(281.100.000)
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(397.000.000)	(144.000.000)
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.200.000.000	5.200.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		240.659.909.066	245.558.353.532
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		210.193.202.684	118.380.421.625
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		30.466.706.382	127.177.931.907
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		212.802.722.286	194.857.571.463
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.382.795.005.813	2.495.063.821.994

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Chu Hồng Hạnh

Đậu Thị Lý

Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	547.722.229.359	330.007.977.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		547.722.229.359	330.007.977.292
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	447.252.294.369	263.863.137.088
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		100.469.934.990	66.144.840.204
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	22.118.285.543	19.555.768.431
8. Chi phí tài chính	23	6.4	11.792.051.680	9.014.636.673
Trong đó: Chi phí đi vay	24		11.124.814.038	7.082.071.447
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	27.539.930.354	21.992.470.516
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	45.647.140.874	36.868.838.559
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		37.609.097.625	17.824.662.887
13. Thu nhập khác	31	6.6	94.690.049	2.172.317.489
14. Chi phí khác	32	6.6	1.096.244.975	380.043.312
15. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.001.554.926)	1.792.274.177
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		36.607.542.699	19.616.937.064
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	7.051.071.468	2.567.476.093
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(1.043.976.139)	(1.030.399.101)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		30.600.447.370	18.079.860.072
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.466.706.382	19.467.143.017
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		133.740.988	(1.387.282.945)
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	277	180

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Chu Hồng Hạnh

Đậu Thị Lý

Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		36.607.542.699	19.616.937.064
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.657.055.424	8.324.244.124
- Các khoản dự phòng	03		231.535.112	(2.659.486.228)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.022.778.244)	(1.184.659.246)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(17.028.390.792)	(14.665.275.076)
- Chi phí đi vay	06		11.124.814.038	7.082.071.447
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		38.569.778.237	16.513.832.085
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		73.570.517.346	(209.753.723.134)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(150.755.611.473)	(65.885.871.887)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(130.037.032.691)	(78.435.058.067)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1.920.119.297	5.110.548.432
- Chi phí đi vay đã trả	14		(11.124.814.038)	(7.082.071.447)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.296.126.883)	(17.589.551.965)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.234.611.100)	(3.140.425.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(204.387.781.305)	(360.262.320.983)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.350.668.216)	(180.104.460.034)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	86.346.782.465
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(197.539.771.508)	(118.384.397.555)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.457.148.278	75.981.800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	(1.963.510.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.530.400.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.053.589.084	9.372.303.982
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(137.379.702.362)	(122.221.081.142)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		21.600.000.000	125.169.010.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(253.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		289.686.938.485	505.736.928.267
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(266.093.019.518)	(222.033.675.332)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44.940.918.967	408.872.262.935
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(296.826.564.700)	(73.611.139.190)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	416.663.821.749	326.629.549.281
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.489.315	21.962.405
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	119.838.746.364	253.040.372.496

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc


Chu Hồng Hạnh


Đậu Thị Lý


Phạm Minh Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi gần nhất lần thứ 35 ngày 14/11/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Tên tiếng anh: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION.

Tên viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 35 ngày 14/11/2025 là 1.100.889.030.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn một trăm tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã ELC.

1.2 Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Sản xuất phần mềm, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Datanova Việt Nam	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93,00%	93,00%	93,00%
Công ty Cổ phần Elcom Prime	Hồ Chí Minh	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Tập đoàn thương mại Hà Nội	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản	88,48%	88,48%	88,48%
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,50%	50,50%	50,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings (i)	Hà Nội	Xuất bản phần mềm	80,00%	80,00%	80,00%
Công ty con gián tiếp					
Công ty CP đầu tư Smartek	Hà Nội	Xuất bản phần mềm		88,35%	95,00%
<i>Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Datanova Việt Nam</i>					
Công ty Cổ phần chuyển đổi số VDX	Hà Nội	Hoạt động viễn thông khác		68,00%	85,00%
<i>Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings</i>					
Công ty liên kết					
Công ty CP Công nghệ VFT (ii)	Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	34%	34%	49,00%

(i) Theo Nghị quyết HĐQT số 02-06/2026/NQ-HĐQT ngày 18/06/2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM thông qua việc mua 1.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings (tương đương 80% vốn điều lệ).

(ii) Bao gồm tỷ lệ sở quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ là 34% và tỷ lệ quyền biểu quyết thông qua Công ty con là Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam là 15%.

1.5 Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ kế toán

Số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 287 người (tại ngày 31/12/2025 là 285 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 của Công ty mẹ và các Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không.

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác theo từng kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08
Phương tiện vận tải	06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 03 - 08 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các bất động sản do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty đã có quyết định ngừng khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thu nhập hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành là 20%.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và chi phí khác

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng và chi phí khác có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và các công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay;
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành;

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu chờ phân bổ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa, dự phòng bảo hành công trình

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của bất động sản, sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*bộ phận theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất phần mềm; Kinh doanh vật tư, thiết bị dự án viễn thông; Kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ (*cho thuê văn phòng, cho thuê hạ tầng kỹ thuật, đào tạo,...*) trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Tiền mặt	5.727.959.510	2.406.177.961
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	91.687.519.773	132.165.292.979
Tương đương tiền (**)	22.423.267.081	282.092.350.809
Cộng	119.838.746.364	416.663.821.749

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	58.289.429.062	89.595.910.056
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	31.794.960.147	35.020.909.946
Đối tượng khác	1.603.130.564	7.548.472.977
Cộng	91.687.519.773	132.165.292.979

() Chi tiết tương đương tiền**

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	12.627.133.561	277.573.807.521
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	5.104.464.225	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	3.002.967.123
Ngân hàng TMCP Á Châu	1.501.561.644	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển	3.190.107.651	1.515.576.165
Cộng	22.423.267.081	282.092.350.809

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
Chứng khoán kinh doanh	749.959.368	298.237.600	(451.721.768)	749.959.368	368.814.600	(381.144.768)
Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng	568.506.868	204.512.000	(363.994.868)	568.506.868	263.193.000	(305.313.868)
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	17.794.375	5.475.600	(12.318.775)	17.794.375	8.121.600	(9.672.775)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	163.658.125	88.250.000	(75.408.125)	163.658.125	97.500.000	(66.158.125)
Cộng	749.959.368	298.237.600	(451.721.768)	749.959.368	368.814.600	(381.144.768)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	148.430.802.061	148.430.802.061	-	198.657.746.918	198.657.746.918	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>69.826.530.795</i>	<i>69.826.530.795</i>	<i>-</i>	<i>63.920.358.533</i>	<i>63.920.358.533</i>	<i>-</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (1)	25.266.530.795	25.266.530.795	-	14.800.000.000	14.800.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (2)	34.560.000.000	34.560.000.000	-	34.560.000.000	34.560.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (3)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.003.178.082	10.003.178.082	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển	-	-	-	4.557.180.451	4.557.180.451	-
<i>Cho vay</i>	<i>74.116.840.000</i>	<i>74.116.840.000</i>	<i>-</i>	<i>125.059.397.555</i>	<i>125.059.397.555</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Thương Mại Đại Cát	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH	-	-	-	85.059.397.555	85.059.397.555	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông thông minh Việt Nam (4)	11.000.000.000	11.000.000.000	-	22.000.000.000	22.000.000.000	-
Ông Hà Quốc Vương (5)	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-
Ông Giang Tuấn Nam (6)	48.116.840.000	48.116.840.000	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

	30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
<i>Lãi cho vay và lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	4.487.431.266	4.487.431.266	-	9.677.990.830	9.677.990.830	-
Lãi cho vay Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển MBH	-	-	-	6.344.498.902	6.344.498.902	-
Lãi cho vay các đối tượng khác	2.126.529.031	2.126.529.031	-	752.794.520	752.794.520	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.360.902.235	2.360.902.235	-	2.580.697.408	2.580.697.408	-
Dài hạn	95.832.811.117	95.832.811.117	-	-	-	-
<i>Cho vay</i>	<i>85.059.397.555</i>	<i>85.059.397.555</i>	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (7)	85.059.397.555	85.059.397.555	-	-	-	-
<i>Lãi cho vay</i>	<i>10.773.413.562</i>	<i>10.773.413.562</i>	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển MBH	10.773.413.562	10.773.413.562	-	-	-	-
Cộng	244.263.613.178	244.263.613.178	-	198.657.746.918	198.657.746.918	-

(1) Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 7-8%/năm.

(2) Gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 -12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất từ 7,7-8,2%/năm.

(3) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 8%/năm.

(4) Gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2025/ELC-ITS ngày 26/06/2025 và Phụ lục số 01 ngày 27/12/2025 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Giải pháp giao thông thông minh Việt Nam. Số tiền vay: 12.000.000.000 VND với mục đích vay là bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Giải pháp giao thông thông minh Việt Nam. Thời gian cho vay đến ngày 31/10/2026, lãi suất cho vay cố định 5,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Ngày 29/06/2026 đã thu hồi được 11.000.000.000 VND.

- Hợp đồng vay vốn số 01/2025/SMT-ITS ngày 29/12/2025 giữa Công ty CP Đầu tư Smartek (Bên cho vay) và Công ty CP Giải pháp giao thông thông minh Việt Nam (Bên vay). Số tiền vay: 10.000.000.000 VND với mục đích vay là bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Giải pháp giao thông thông minh Việt Nam. Thời gian cho vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay, lãi suất: 5,5%/năm.

(5) Hợp đồng vay vốn số 1201/2026/ELC-HQV ngày 12/01/2026 và phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và ông Hà Quốc Vương. Số tiền vay: 15.000.000.000 VND, lãi suất cho vay cố định 6%/năm, thời hạn vay đến 16/10/2026, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

(6) Gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 2605/2026/ELC-GTN ngày 26/05/2026 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và ông Giang Tuấn Nam. Số tiền vay: 34.898.840.000 VND, lãi suất cho vay cố định 8%/năm, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 03/06/2026, Công ty đã thu hồi 3.782.000.000 VND.

- Hợp đồng vay vốn số 1203/2026/TMHN-GTN ngày 12/03/2026 giữa Công ty CP Tập đoàn thương mại Hà Nội và Ông Giang Tuấn Nam. Số tiền vay: 17.000.000.000 VND. Thời gian cho vay đến ngày 11/11/2026, lãi suất cho vay cố định 6,5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(7) Hợp đồng vay vốn số 01/HDVV/ELCOM-MBH ngày 02/01/2025 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD/ELCOM-MBH ngày 02/01/2026 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và bên vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển MBH; Số tiền vay: 85.059.397.555 VND; Mục đích vay: Thanh toán đợt 1 khoản thanh toán thứ hai của hợp đồng chuyển nhượng một phần Dự án số 07/2024/THT-ELCOM-MBH/PTC-H1CC1; Tài sản đảm bảo: Thế chấp cổ phần; Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay; Lãi suất: 10,5%/năm.

c. Đầu tư vào Công ty liên kết

Tỷ lệ		30/6/2026(VND)		01/01/2026 (VND)	
Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
Đầu tư vào Công ty liên kết		20.535.913.966	30.290.521.564	37.896.653.966	30.290.521.564
Công ty Cổ phần Công nghệ VLM Bắc Kạn (i)		-	-	17.360.740.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông VFT	49,00%	20.535.913.966	30.290.521.564	20.535.913.966	30.290.521.564
Cộng		20.535.913.966	30.290.521.564	37.896.653.966	30.290.521.564

(i) Ngày 12/03/2026, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 01-03/2026/NQ-HĐQT thông qua việc chấm dứt tư cách công ty liên kết đối với Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn do Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn đã hoàn tất thủ tục giải thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/6/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			109.036.510.000	102.796.826.141	(6.239.683.859)	79.036.510.000	73.054.059.345	(5.982.450.655)
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	5,30%	5,30%	28.590.000.000	26.529.079.396	(2.060.920.604)	28.590.000.000	26.529.079.396	(2.060.920.604)
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	0,50%	0,50%	115.000.000	115.000.000	-	115.000.000	115.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	18,98%	18,98%	360.000.000	-	(360.000.000)	360.000.000	-	(360.000.000)
Công ty Cổ phần Trung Văn	19,00%	19,00%	26.985.200.000	26.072.952.432	(912.247.568)	26.985.200.000	26.072.952.432	(912.247.568)
Công ty Cổ phần 1SK	19,00%	19,00%	4.674.000.000	2.157.484.313	(2.516.515.687)	4.674.000.000	2.414.717.517	(2.259.282.483)
Công ty Cổ phần Quản lý năng lượng thông minh (PSMART.,JSC)	6,55%	6,55%	10.422.310.000	10.422.310.000	-	10.422.310.000	10.422.310.000	-
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	19,50%	19,50%	390.000.000	-	(390.000.000)	390.000.000	-	(390.000.000)
Công ty Cổ phần Viettronics Vinh Phúc	18,75%	18,75%	7.500.000.000	7.500.000.000	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển HNA (i)			30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-
Cộng			109.036.510.000	102.796.826.141	(6.239.683.859)	79.036.510.000	73.054.059.345	(5.982.450.655)

(i) Khoản đầu tư khác Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển HNA để đồng thực hiện dự án Khu thương mại dịch vụ giới thiệu nông sản sạch và ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, địa điểm thực hiện: Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội. Khu đất Dự Án thuộc một phần ô đất GS2-6 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị GS tỷ lệ 1/5000 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 13/8/2015, thuộc địa giới hành chính phường Xuân Phương, TP Hà Nội (thuộc phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội cũ). Tổng diện tích khoảng 8.000 m², bao gồm: Diện tích đất xây dựng công trình: 2.000 m²; Diện tích sân vườn, các khu vực thực nghiệm, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: 6.000 m²; Tổng mức đầu tư Dự Án: 127.350.000.000 VND. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội góp vốn tương đương 23,6% Tổng vốn đầu tư Dự Án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	639.409.152.231	(85.177.906.600)	769.897.202.469	(84.860.004.424)
Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội Viettel	20.514.427.003	(17.846.327.583)	182.086.071.978	(17.846.327.583)
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC (i)	28.757.184.348	-	28.757.184.348	-
Interlabs Pte.Ltd	46.058.853.780	-	45.701.441.700	-
Hudson Capital Holding Limited	51.327.993.082	-	56.395.483.065	-
Comverse Network Limited	55.632.758.140	-	53.729.572.589	-
Công an tỉnh Phú Thọ	9.475.633.559	-	82.196.089.420	-
Ban quản lý dự án 7	89.936.143.581	-	34.289.901.872	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	337.706.158.738	(67.331.579.017)	286.741.457.497	(67.013.676.841)
Cộng	639.409.152.231	(85.177.906.600)	769.897.202.469	(84.860.004.424)

(i) Tại ngày 30/6/2026, số dư đối với Công ty TNHH Thu phí tự động VETC có 28.757.184.348 VND đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, khoản công nợ quá hạn này đã được thỏa thuận theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 83/2023/QĐST-KDTM ngày 19/09/2023 và hai bên có cam kết lộ trình thanh toán từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2026. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty TNHH Thu phí tự động VETC vẫn đang thanh toán theo đúng lộ trình cam kết.

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	117.823.950.386	-	69.040.318.706	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TM&PT Dịch vụ Việt Nam	-	-	9.200.000.000	-
MICROTECH PLUS INC	30.804.250.863	-	33.664.515.747	-
Công ty TNHH Phát triển THT	46.080.775.359	-	-	-
Các khoản trả trước khác	40.938.924.164	-	26.175.802.959	-
Dài hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Ông Trần Hùng Giang (i)	4.030.000.000	-	4.030.000.000	-
Ông Ngô Ngọc Hà (i)	2.990.000.000	-	2.990.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (i)	5.980.000.000	-	5.980.000.000	-
Cộng	130.823.950.386	-	82.040.318.706	-
<i>Trong đó: Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>22.200.000.000</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(i) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc “Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội”. Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 311222/BBTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.5 Phải thu khác

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	149.871.226.766	(2.758.459.769)	112.730.528.248	(2.758.459.769)
Tạm ứng	28.514.477.687	-	15.928.887.596	-
Ký cược, ký quỹ	41.156.013.568	-	34.384.195.852	-
Phải thu khác	80.200.735.511	(2.758.459.769)	62.417.444.800	(2.758.459.769)
- Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	(1.005.750.000)	1.005.750.000	(1.005.750.000)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	(1.716.209.769)	1.716.209.769	(1.716.209.769)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (i)	56.836.285.849	-	49.674.745.059	-
- Lưu Diệu Huyền (ii)	18.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.642.489.893	(36.500.000)	10.020.739.972	(36.500.000)
Dài hạn	125.220.719.714	(5.862.765.957)	125.188.553.512	(2.931.382.979)
Công ty CP Đầu tư BĐS Thanh Trì (iii)	5.862.765.957	(5.862.765.957)	5.862.765.957	(2.931.382.979)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (iv)	110.059.397.555	-	110.059.397.555	-
+ Phải thu liên quan khoản vay dài hạn ngân hàng phục vụ dự án	85.059.397.555	-	85.059.397.555	-
+ Khoản hợp tác đầu tư dự án	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Tâm Mỹ An (v)	3.528.000.000	-	3.528.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	5.770.556.202	-	5.738.390.000	-
Cộng	275.091.946.480	(8.621.225.726)	237.919.081.760	(5.689.842.748)

(i) Bao gồm các khoản góp vốn và khoản phải thu của ELCOM tại Dự án đầu tư xây dựng khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây theo Hợp đồng Liên danh hợp tác đầu tư số 01/2024/HĐ-HTĐT ngày 08/03/2024 và các phụ lục của Hợp đồng.

(ii) Khoản phải thu phát sinh theo Hợp đồng hợp tác số 1706/2026/HĐHTĐT/ELCOM-CN ngày 17/06/2026. Hợp đồng đã được thanh lý ngày 23/06/2026 do không đạt được mục tiêu hợp tác. Theo Biên bản thanh lý, khoản tiền Công ty đã đặt cọc sẽ được hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký Biên bản thanh lý. Đến ngày 30/06/2026, Công ty đã thu hồi 22.000.000.000 tỷ VND.

(iii) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BĐSTHANHTRIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì;

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

(iv) Bao gồm:

- Khoản phải thu theo Hợp đồng Liên danh hợp tác đầu tư số 01/2024/HĐ-HTĐT ngày 08/03/2024 và Phụ lục Hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 04/PL-HĐLD ngày 15/01/2025 giữa ELCOM và MBH về việc ELCOM thay mặt liên danh ký kết hợp đồng vay vốn - thế chấp tài sản và các văn bản liên quan với ngân hàng. Số dư nợ vay ngân hàng tương ứng phần MBH nhận nợ là 85.059.397.555 VND;

- Hợp đồng nguyên tắc góp vốn đầu tư vào ô đất H1-CC1 thuộc quần thể dự án “Khu Trung tâm đô thị Tây Hồ Tây” số 0404/2024/HĐ ngày 04/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH, tỷ lệ góp vốn lần lượt là 10,20% và 89,80% tương ứng phần vốn góp của Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam là 25.000.000.000 VND. MBH là đơn vị chủ trì thực hiện dự án.

(v) Khoản góp vốn đầu tư vào dự án Nghiên cứu và thương mại các sản phẩm sinh học thế hệ mới ứng dụng trên người vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.6 Nợ xấu

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	85.177.906.600	(85.177.906.600)	-	85.495.808.774	(84.860.004.424)	635.804.350
Tập đoàn Viễn thông QĐ/Viettel - HĐ02/2012	17.846.327.583	(17.846.327.583)	-	17.846.327.583	(17.846.327.583)	-
Công ty Cổ phần Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	(12.943.377.077)	-	12.943.377.077	(12.943.377.077)	-
Tổng Công ty hạ tầng mạng/VNPT NET	15.534.200.000	(15.534.200.000)	-	15.534.200.000	(15.534.200.000)	-
Các đối tượng khác	38.854.001.940	(38.854.001.940)	-	39.171.904.114	(38.536.099.764)	635.804.350
- Phải thu khác	8.621.225.726	(8.621.225.726)	-	8.621.225.727	(5.689.842.748)	2.931.382.979
Tổng	93.799.132.326	(93.799.132.326)	-	94.117.034.501	(90.549.847.172)	3.567.187.329

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.159.351.480	-	180.818.954.287	-
Thành phẩm	6.600.531.309	-	6.600.531.309	-
Hàng hóa	139.568.336.208	-	31.583.425.588	-
Cộng	365.330.750.997	-	219.005.443.184	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	849.454.750	501.566.033
Công cụ dụng cụ	81.996.146	27.697.242
Chi phí chờ phân bổ khác	767.458.604	473.868.791
Dài hạn	296.619.063.761	298.887.071.775
Chi phí công cụ dụng cụ	2.451.965.996	950.235.421
Giá trị lợi thế đầu tư vào công ty con (i)	289.202.448.151	294.492.736.837
Chi phí chờ phân bổ khác	4.964.649.614	3.444.099.517
Cộng	297.468.518.511	299.388.637.808

(i) Giá trị lợi thế đầu tư vào Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2026	57.559.019.545	3.615.030.466	29.154.990.162	42.646.038.435	13.360.077.833	146.335.156.441
Mua trong kỳ		-	-	4.514.504.110	-	4.514.504.110
Số dư tại 30/06/2026	<u>57.559.019.545</u>	<u>3.615.030.466</u>	<u>29.154.990.162</u>	<u>47.160.542.545</u>	<u>13.360.077.833</u>	<u>150.849.660.551</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2026	(10.991.549.071)	(2.927.813.733)	(11.707.037.061)	(24.390.879.641)	(4.693.134.976)	(54.710.414.482)
Khấu hao trong kỳ	(1.125.018.420)	(86.429.268)	(2.256.267.644)	(3.141.224.680)	(1.138.337.952)	(7.747.277.964)
Số dư tại 30/06/2026	<u>(12.116.567.491)</u>	<u>(3.014.243.001)</u>	<u>(13.963.304.705)</u>	<u>(27.532.104.321)</u>	<u>(5.831.472.928)</u>	<u>(62.457.692.446)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2026	46.567.470.474	687.216.733	17.447.953.101	18.255.158.794	8.666.942.857	91.624.741.959
Tại 30/06/2026	<u>45.442.452.054</u>	<u>600.787.465</u>	<u>15.191.685.457</u>	<u>19.628.438.224</u>	<u>7.528.604.905</u>	<u>88.391.968.105</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 21.073.551.544 VND (tại ngày 01/01/2026 là 20.860.786.999 VND).

(*) Danh mục sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tòa nhà văn phòng Elcom	54.845.454.545	(9.861.931.842)	44.983.522.703	54.845.454.545	(8.764.772.748)	46.080.681.797
	Tổng cộng	<u>54.845.454.545</u>	<u>(9.861.931.842)</u>	<u>44.983.522.703</u>	<u>54.845.454.545</u>	<u>(8.764.772.748)</u>	<u>46.080.681.797</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2026	19.387.995.053	744.439.881	20.132.434.934
Số dư tại 30/06/2026	19.387.995.053	744.439.881	20.132.434.934
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2026	(7.088.498.022)	(188.341.178)	(7.276.839.200)
Khấu hao trong kỳ	(1.646.158.100)	(35.070.000)	(1.681.228.100)
Số dư tại 30/06/2026	(8.734.656.122)	(223.411.178)	(8.958.067.300)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2026	12.299.497.031	932.781.059	12.855.595.734
Tại 30/06/2026	10.653.338.931	967.851.059	11.174.367.634

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 6.795.311.199 VND (tại ngày 01/01/2026 là 6.795.311.199 VND).

(*) Danh mục tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Giá trị hao mòn		Giá trị còn lại	Giá trị hao mòn		Giá trị còn lại
		Nguyên giá	lũy kế		Nguyên giá	lũy kế	
1	Hệ thống phần mềm eOne SMS tại Mobifone	3.500.000.000	(3.500.000.000)	-	3.500.000.000	(3.500.000.000)	-
2	Phần mềm BI	6.927.743.615	(2.237.083.876)	4.690.659.739	6.927.743.615	(1.804.099.900)	5.123.643.715
3	PM eFlow	2.579.452.819	(644.863.200)	1.934.589.619	2.579.452.819	(483.647.400)	2.095.805.419
4	Phần mềm charging 2 tài khoản	4.801.250.000	(1.900.494.798)	2.900.755.202	4.801.250.000	(1.300.338.546)	3.500.911.454
5	Phần mềm eHotel	3.600.000.000	(2.700.000.000)	900.000.000	3.600.000.000	(2.520.000.000)	1.080.000.000
	Tổng cộng	21.408.446.434	(10.982.441.874)	10.426.004.560	21.408.446.434	(9.608.085.846)	11.800.360.588

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2026 VND (Trình bày lại)	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2026 VND
a. Bất động sản đầu tư				
nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	6.744.124.331	-	-	6.744.124.331
- Nhà	6.744.124.331	-	-	6.744.124.331
Giá trị tổn thất do suy giảm giá trị	(1.175.762.696)	-	-	(1.175.762.696)
- Nhà	(1.175.762.696)	-	-	(1.175.762.696)
Giá trị còn lại	5.568.361.635	-	-	5.568.361.635
- Nhà	5.568.361.635	-	-	5.568.361.635
b. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	11.427.468.023	-	-	11.427.468.023
- Nhà	11.427.468.023	-	-	11.427.468.023
Giá trị hao mòn lũy kế	(9.489.384.336)	(228.549.360)	-	(9.717.933.696)
- Nhà	(9.489.384.336)	(228.549.360)	-	(9.717.933.696)
Giá trị còn lại	1.938.083.687	-	(228.549.360)	1.709.534.327
- Nhà	1.938.083.687	-	(228.549.360)	1.709.534.327

Bất động sản đầu tư là bất động sản chờ tăng giá, Công ty đã có quyết định ngừng trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư chờ tăng giá này.

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 5.568.361.635 VND (tại ngày 01/01/2026 là 5.568.361.635 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(*) Danh mục bất động sản đầu tư đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị bất động sản đầu tư trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026 (VND)			Tại ngày 01/01/2026 (VND)		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Căn hộ Vimenco	4.305.000.000	(1.175.762.696)	3.129.237.304	4.305.000.000	(1.175.762.696)	3.129.237.304
2	Căn hộ 08.04 của HTX TM DV Hợp Thành	2.439.124.331	-	2.439.124.331	2.439.124.331	-	2.439.124.331
	Tổng cộng	6.744.124.331	(1.175.762.696)	5.568.361.635	6.744.124.331	(1.175.762.696)	5.568.361.635

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Xây dựng cơ bản dở dang	148.377.030.187	148.377.030.187	141.110.562.421	141.110.562.421
Dự án Tây Hồ Tây (i)	143.923.988.935	143.923.988.935	137.358.159.264	137.358.159.264
Dự án tòa nhà cao tầng 18 Nguyễn Chí Thanh (ii)	3.927.943.712	3.927.943.712	3.347.305.617	3.347.305.617
Các dự án khác	525.097.540	525.097.540	405.097.540	405.097.540
Cộng	148.377.030.187	148.377.030.187	141.110.562.421	141.110.562.421

(i) Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH (MBH) nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây theo Quyết định 5949/QĐ-UBND ngày 15/11/2024. Tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ lợi ích của ELCOM và MBH tại thời điểm ngày 30/6/2026 lần lượt là 30% và 70%.

- Mục tiêu: Đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành một khu tổ hợp Văn phòng, Dịch vụ, Trung tâm thương mại, Văn hóa tổng hợp Tây Hồ Tây trên ô đất H1CC1;

- Quy mô dự án: Tổng diện tích đất: 7.561 m²; mật độ xây dựng khoảng 40%; diện tích xây dựng: khoảng 3.024 m²; số tầng nổi 3-17 tầng; số tầng hầm 02 tầng; hệ số sử dụng đất khoảng 4,80 lần theo Quyết định số 5581/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 13/9/2013 phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Khu vực trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây, tỷ lệ 1/500; văn bản số 2490/QHKT-P1 ngày 22/5/2020 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và văn bản số 2160/UBND-ĐT ngày 03/6/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về Quy hoạch ô đất H1CC1.

Tại ngày 30/6/2026, dự án đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển (Xem chi tiết tại thuyết minh 5.23).

(ii) Dự án Tòa nhà căn hộ để ở, khách sạn, văn phòng cho thuê kết hợp khu thương mại dịch vụ tại số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội) đã được thông qua theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Thông qua Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội và đồng thời đã được chấp thuận theo Thông báo số 493/TB-UBND ngày 07/5/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận cho tổ chức kinh doanh bất động sản được thực hiện dự án thí điểm.

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	138.293.181	165.951.817
Tổng	138.293.181	165.951.817

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.14 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	232.596.078.329	300.232.497.958
Ciena Communications Inc	4.459.303.172	82.416.180.704
TWS International trading Pte Ltd	37.361.926.800	37.486.992.400
Hudson Capital Holding Ltd	-	48.970.245.727
Công ty Cổ phần đầu tư Cetech	27.935.982.000	27.935.982.000
Comverse Network Ltd	67.811.307.144	24.931.928.213
Đối tượng khác	95.027.559.213	78.491.168.914
Cộng	232.596.078.329	300.232.497.958

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	125.363.981.665	108.187.719.496
Ban quản lý dự án 7	-	23.999.177.392
Cục hồ sơ nghiệp vụ - Bộ công an	-	45.454.851.650
Trung tâm quản lý điều hành giao thông đô thị	11.395.131.139	15.810.607.526
Ban quản lý dự án khu vực Vĩnh Phúc	13.077.000.000	-
Ban duy tu các công trình hạ tầng giao thông	42.823.753.200	-
Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận	31.082.944.000	-
Đối tượng khác	26.985.153.326	22.923.082.928
Cộng	125.363.981.665	108.187.719.496

5.16 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (*)	1.066.150.648	1.066.150.648

(*) Cổ tức phải trả là phần cổ tức từ các năm trước chưa được chi trả cho các cổ đông do một số cổ đông chưa thực hiện các thủ tục lưu ký chứng khoán (đối với các công ty có đăng ký lưu ký tập trung) hoặc chưa đến làm thủ tục nhận cổ tức tại Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Phải nộp	24.231.983.869	41.778.865.373	57.180.106.701	8.830.742.541
<i>Ngắn hạn</i>	<i>24.231.983.869</i>	<i>41.778.865.373</i>	<i>57.180.106.701</i>	<i>8.830.742.541</i>
Thuế GTGT phải nộp	269.943.141	2.477.957.004	2.509.866.839	238.033.306
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.687.157.440	24.687.157.440	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.824.422.699	7.051.071.468	22.296.126.883	6.579.367.284
Thuế thu nhập cá nhân	398.814.312	1.698.750.558	1.735.304.306	362.260.564
Thuế nhà thầu	1.625.743.120	2.854.501.058	3.143.070.920	1.337.173.258
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		3.008.989.525	2.808.141.993	200.847.532
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	438.320	438.320	113.060.597
Phải thu	113.705.549	1.753.715.483	1.677.665.865	37.655.931
<i>Ngắn hạn</i>	<i>113.705.549</i>	<i>1.753.715.483</i>	<i>1.677.665.865</i>	<i>37.655.931</i>
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.640.009.934	1.677.665.865	37.655.931
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	113.705.549	113.705.549	-	-

5.18 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	412.566.596	8.765.230.802
Trích trước chi phí thực hiện dự án	407.661.596	7.255.005.453
Các khoản khác	4.905.000	1.510.225.349
Cộng	412.566.596	8.765.230.802

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	2.779.135.095	3.874.821.867
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.563.207.539	1.026.223.704
Các khoản khác	1.215.927.556	2.848.598.163
Cộng	2.779.135.095	3.874.821.867

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.20 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	5.153.125.431	4.545.105.543
Kinh phí công đoàn	1.340.452.959	1.473.656.110
Bảo hiểm xã hội	1.482.251	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.100.164.713	1.105.164.713
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.711.025.508	1.966.284.720
Dài hạn	8.309.337.743	8.036.956.547
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.378.817.743	1.106.436.547
Phải trả hợp tác kinh doanh (i)	6.930.520.000	6.930.520.000
Cộng	13.462.463.174	12.582.062.090

(i) Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT.

5.21 Dự phòng phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	3.110.566.980	680.184.597
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	3.110.566.980	680.184.597
Dài hạn	9.330.345.090	15.106.287.719
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	9.330.345.090	15.106.287.719
Cộng	12.440.912.070	15.786.472.316

5.22 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	61.169.747.242	62.241.382.018
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	61.169.747.242	62.241.382.018
Cộng	61.169.747.242	62.241.382.018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.23 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	181.186.938.485	221.186.938.485	266.093.019.518	226.093.019.518
<i>Vay</i>	<i>181.186.938.485</i>	<i>221.186.938.485</i>	<i>266.093.019.518</i>	<i>226.093.019.518</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (i)	173.536.695.573	213.536.695.573	167.290.740.003	127.290.740.003
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng Long (ii)	7.650.242.912	7.650.242.912	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Thành	-	-	98.802.279.515	98.802.279.515
Dài hạn	170.118.795.110	-	-	170.118.795.110
<i>Vay</i>	<i>170.118.795.110</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>170.118.795.110</i>
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (iii)	170.118.795.110	-	-	170.118.795.110
Cộng	351.305.733.595	221.186.938.485	266.093.019.518	396.211.814.628

(i) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 333842.25.054.27172.TD ngày 16/9/2025 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long; Hạn mức cấp tín dụng 1.050.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay 250.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh thanh toán 50.000.000.000 VND, Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 800.000.000.000 VND, Hạn mức bảo lãnh LC là 100.000.000.000 VND; Mục đích vay: Phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao của khách hàng; Thời hạn duy trì HMTD: kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 31/08/2026; Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(ii) Khoản vay theo Hợp Đồng cấp tín dụng số BDN2021141333/HĐCTĐ ngày 14/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam; Hạn mức cấp tín dụng 280.000.000.000 VND; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hai Bên thống nhất ký kết Phụ lục của Hợp Đồng Cấp Tín Dụng theo phụ lục số BDN2021141333/HĐCTD/PLHM-4473316 (về việc tái cấp hạn mức tín dụng cho năm 2026-2027) ngày 15/04/2026 hạn mức tín dụng 260.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng (từ ngày 15/04/2026 đến ngày 15/04/2027); Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.23 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iii) Khoản phải thu theo khế ước nhận nợ số 108.019.01/25/DN/KUNN ngày 22/01/2025 giữa Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom và Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển. Số gốc vay: 170.118.795.110 VND với mục đích vay là thanh toán đợt 2 theo Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án bất động sản số 07/2024/THT-ELCOM-MBH/PTC-HICCI ngày 20/12/2024 về việc chuyển nhượng một phần Dự án Khu trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây giữa (Người bán) Công ty TNHH Phát triển THT và (Người mua) Liên danh Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH. Thời gian cho vay là 08 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vốn vay. Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 9.9%/năm. Sau 12 tháng, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/1 lần với lãi suất là lãi suất cơ sở áp dụng đối với khoản vay trên 12 tháng đối với khách hàng doanh nghiệp tại PGBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.9%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo điều khoản tại Khế ước. Tài sản bảo đảm gồm bất động sản, tiền gửi tại PGBank và tài sản hình thành từ vốn vay, tổng giá trị tài sản bảo đảm theo khế ước là 637.221.149.800 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.24 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	832.900.770.000	-	-	10.410.255.576	5.200.000.000	208.630.508.357	191.541.571.742	1.248.683.105.675
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	41.638.480.000	(245.600.000)	-	(10.410.255.576)	-	(31.228.224.424)	-	(245.600.000)
Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	124.935.110.000	(10.500.000)	-	-	-	-	-	124.924.610.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	49.000.000.000	(25.000.000)	-	-	-	-	-	48.975.000.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	52.414.670.000	-	-	-	-	(52.414.670.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành Esop 2025	-	-	(144.000.000)	-	-	-	-	(144.000.000)
Tăng vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	490.000.000	490.000.000
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(979.000.000)	(979.000.000)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước của công ty con	-	-	-	-	-	360.000.000	-	360.000.000
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(2.956.767.322)	2.956.767.322	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	127.646.931.907	848.232.399	128.495.164.306
Tăng/giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	520.575.014	-	520.575.014
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
Số dư tại 01/01/2026	1.100.889.030.000	(281.100.000)	(144.000.000)	-	5.200.000.000	245.558.353.532	194.857.571.463	1.546.079.854.995
Chi phí kiểm toán vốn	-	(32.400.000)	-	-	-	-	-	(32.400.000)
Mua lại cổ phiếu của người lao động	-	-	(253.000.000)	-	-	-	-	(253.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Tăng vốn công ty con (ii)	-	-	-	-	-	(30.000.000.000)	13.000.000.000	(17.000.000.000)
Mua công ty con (iii)	-	-	-	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	30.466.706.382	133.740.988	30.600.447.370
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	634.849.152	(634.849.152)	-
Tăng/giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(53.741.013)	(53.741.013)
Số dư tại 30/6/2026	1.100.889.030.000	(313.500.000)	(397.000.000)	-	5.200.000.000	240.659.909.066	212.802.722.286	1.558.841.161.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.24 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Nghị quyết số Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ phân phối lợi nhuận năm 2025 là 6.000.000.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết số 01-01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/01/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20.000.000.000 VND (tương đương 2.000.000 cổ phần) thành 120.000.000.000 VND (tương đương 12.000.000 cổ phần); Thời điểm thay đổi vốn: 08/01/2026; Hình thức tăng vốn: Do Công ty phát hành thêm 10.000.000 cổ phần, trị giá 100.000.000.000 VNĐ để chào bán cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Các cổ đông mua không theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty, cụ thể Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển MBH được quyền mua 2.955.000 cổ phần nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển MBH không đăng ký mua và chuyển quyền mua toàn bộ cổ phần được quyền mua đó cho các cổ đông mới. Các cổ đông mới đã mua hết và thanh toán đủ 2.955.000 cổ phần, trị giá 29.550.000.000 VNĐ (Theo Điều 124 Luật Doanh nghiệp năm 2020). Mục đích tăng vốn: Tăng vốn khả dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Theo Nghị quyết số 01-05/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/05/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội đã thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120.000.000.000 VND (tương đương 12.000.000 cổ phần) thành 170.200.000.000 VND (tương đương 17.200.000 cổ phần); Thời điểm thay đổi vốn: 20/05/2026; Hình thức tăng vốn: Do Công ty phát hành thêm 5.020.000 cổ phần, trị giá 50.200.000.000 VND để chào bán cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Các cổ đông hiện hữu là Ông Nguyễn Văn Hòa, Bà Trịnh Thái Thường và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển MBH không đăng ký mua số cổ phần chào bán nêu trên. Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đăng ký mua 5.020.000 cổ phần, trị giá 50.200.000.000 VND để bổ sung vốn Điều lệ Công ty. Mục đích tăng vốn: Tăng vốn khả dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

(iii) Theo Nghị quyết HĐQT số 02-06/2026/NQ-HĐQT ngày 18/06/2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM thông qua việc mua 1.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư GSS Holdings (tương đương 80% vốn điều lệ).

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Vốn góp của các cổ đông	1.100.889.030.000	1.100.889.030.000
Cộng	<u>1.100.889.030.000</u>	<u>1.100.889.030.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.100.889.030.000	832.900.770.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	166.573.590.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.100.889.030.000	999.474.360.000
Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	41.638.480.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.24 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/6/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.088.903	110.088.903
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.088.903	110.088.903
Cổ phiếu phổ thông	110.088.903	110.088.903
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41.685	15.120
Cổ phiếu phổ thông	41.685	15.120
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.047.218	110.073.783
Cổ phiếu phổ thông	110.047.218	110.073.783
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.25 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Tài sản thuê ngoài

Tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam (Công ty con)

Công ty đang thực hiện thuê 2.278,7 m² đất tại địa chỉ 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội theo phê duyệt tại Quyết định số 3127/QĐ-UND ngày 07/6/2023 của UBND Thành phố Hà Nội.

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội (Công ty con)

Công ty đang thực hiện thuê 1.109 m² tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Mục đích sử dụng đất: Để tiếp tục sử dụng làm Trung tâm phát triển công nghệ điện tử viễn thông (đất thương mại, dịch vụ).

b. Ngoại tệ

	30/06/2026		01/01/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	60.646,87	1.594.344.123	2.629.186,11	68.582.314.698
Tổng	60.646,87	1.594.344.123	2.629.186,11	68.582.314.698

c. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	22.638.869.785	22.638.869.785
Cộng	22.638.869.785	22.638.869.785

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.25 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

d. Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	54.845.454.545	44.983.522.703	Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển	Khoản vay dài hạn	Đến ngày 22/01/2033
2	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình	7.638.673.982	5.190.024.774	Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	Khoản vay ngắn hạn	Đến ngày 31/08/2026

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1	Tiền gửi có kỳ hạn	Tài sản dài hạn khác	2.600.000.000	Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển	Khoản vay dài hạn	Đến ngày 22/01/2033
2	Các tài sản cầm cố khác (Dự án Tây Hồ Tây)	Xây dựng cơ bản dở dang	143.366.173.435	Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển	Khoản vay dài hạn	Đến ngày 22/01/2033

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	26.568.480.563	33.725.848.850
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	477.964.145.897	261.963.189.918
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.189.602.899	34.318.938.524
Cộng	547.722.229.359	330.007.977.292

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn thành phẩm phần mềm	2.701.301.433	2.059.755.496
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	425.360.942.661	236.669.075.859
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	19.190.050.275	25.134.305.733
Cộng	447.252.294.369	263.863.137.088

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.085.785.040	14.010.771.743
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.050.000	654.503.333
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.980.672.259	2.925.759.176
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	2.022.778.244	1.964.734.179
Cộng	22.118.285.543	19.555.768.431

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền vay	11.124.814.038	7.082.071.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	339.322.820	1.040.384.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	780.074.933
Trích lập/ hoàn nhập tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và dự phòng chứng khoán kinh doanh	327.810.204	111.982.200
Chi phí tài chính khác	104.618	123.378
Cộng	11.792.051.680	9.014.636.673

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	27.539.930.354	21.992.470.516
Chi phí nhân viên	15.535.734.452	14.285.936.900
Chi phí khấu hao TSCĐ	995.719.101	863.528.076
Chi phí bảo hành	4.050.791.637	3.235.219.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.017.554.203	2.339.482.413
Chi phí bằng tiền khác	940.130.961	1.268.303.174
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.647.140.874	36.868.838.559
Chi phí nhân viên quản lý	20.400.594.347	15.247.681.121
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.045.972.231	840.408.202
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.254.444.945	10.799.799.772
Chi phí dự phòng	3.249.285.154	1.426.855.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.953.865.555	4.281.041.346
Chi phí bằng tiền khác	8.742.978.642	4.273.052.921
Cộng	73.187.071.228	58.861.309.075

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	100.583.211
Tiền thuê đất năm 2024 được giảm	-	1.630.073.226
Thu nhập khác	94.690.049	441.661.052
Cộng	94.690.049	2.172.317.489
Chi phí khác		
Phạt chậm thực hiện hợp đồng	960.691.007	-
Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	65.846.514	287.461.568
Chi phí khác	69.707.454	92.581.744
Cộng	1.096.244.975	380.043.312
Lợi nhuận khác	(1.001.554.926)	1.792.274.177

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	7.051.071.468	2.567.476.093
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.051.071.468	2.567.476.093

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.058.057.737)	(1.058.057.737)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.081.598	27.658.636
Tổng	(1.043.976.139)	(1.030.399.101)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	30.466.706.382	19.467.143.017
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi		3.000.000.000
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	30.466.706.382	16.467.143.017
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	110.088.903	91.481.813
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	277	180

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 thì lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trong kỳ sẽ giảm đi tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 trình bày lại do trong năm 2026 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ phân phối lợi nhuận năm 2025 là 6.000.000.000 VND. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2025 được trừ đi ½ số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 từ 213 VND/cổ phiếu xuống còn 180 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	19.467.143.017	19.467.143.017	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	19.467.143.017	16.467.143.017	(3.000.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	91.481.813	91.481.813	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	213	180	(33)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.252.017.002	3.782.242.478
Chi phí nhân công	40.604.782.554	36.815.022.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.657.055.424	8.324.244.124
Chi phí dự phòng	7.300.076.791	4.662.075.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.130.642.234	33.339.493.616
Chi phí khác bằng tiền	15.203.539.920	9.733.479.820
Cộng	243.148.113.925	96.656.557.900

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Viễn thông VFT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Ông Ngô Trọng Hiếu (em trai của ông Ngô Ngọc Hà - Thành viên HĐQT là người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Luckybest Việt Nam	Công ty có vốn góp của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tiến Minh Capital	Công ty có vốn góp của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghệ ITD	Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Công nghệ ITD
Công ty NPT Solutions INC	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Xây dựng Hà An	Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng cầu đường hạ tầng và khoáng sản Thăng Long	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HNA	Tổ chức có liên quan của Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Văn Hòa
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Việt Nam	
Công ty TNHH Đầu tư DT&T	
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
Mua hàng			405.454.628	429.800.000
Công ty Cổ phần Viễn thông VFT	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	246.454.628	270.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển dịch vụ Việt Nam	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	99.000.000	99.000.000

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2026	01/01/2026
		VND	VND
Trả trước cho người bán		13.000.000.000	22.200.000.000
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ chủ tịch HĐQT	5.980.000.000	5.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TM& PT Dịch vụ Việt Nam	Công ty liên quan	-	9.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a – DN/HN

Kèm theo Thông tư số 43/2026/TT- BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.2 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ, Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất phần mềm; Kinh doanh vật tư, thiết bị dự án viễn thông; Kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, cho thuê hạ tầng kỹ thuật, đào tạo,...).

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 như sau:

	Sản xuất phần mềm	Kinh doanh vật tư, hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Tổng
Doanh thu thuần	26.568.480.563	477.964.145.897	37.982.229.184	5.207.373.715	547.722.229.359
Giá vốn	2.701.301.433	425.360.942.661	15.194.479.722	3.995.570.553	447.252.294.369
Lợi nhuận gộp	23.867.179.130	52.603.203.236	22.787.749.462	1.211.803.162	100.469.934.990
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	23.867.179.130	52.603.203.236	22.787.749.462	1.211.803.162	100.469.934.990
Doanh thu hoạt động tài chính					22.118.285.543
Chi phí tài chính					(11.792.051.680)
Chi phí bán hàng					(27.539.930.354)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(45.647.140.874)
Lợi nhuận khác không liên quan đến HĐSXKD					(1.001.554.926)
Thuế TNDN hiện hành					(7.051.071.468)
Thuế TNDN hoãn lại					1.043.976.139
Lợi nhuận trong kỳ					30.600.447.370

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất phần mềm	Kinh doanh vật tư, hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Tổng
Doanh thu	33.725.848.850	261.963.189.918	31.284.980.218	3.033.958.306	330.007.977.292
Giá vốn	2.059.755.496	236.669.075.859	22.210.879.767	2.923.425.966	263.863.137.088
Lợi nhuận gộp	31.666.093.354	25.294.114.059	9.074.100.451	110.532.340	66.144.840.204
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	31.666.093.354	25.294.114.059	9.074.100.451	110.532.340	66.144.840.204
Doanh thu hoạt động tài chính					19.555.768.431
Chi phí tài chính					(9.014.636.673)
Chi phí bán hàng					(21.992.470.516)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(36.868.838.559)
Lợi nhuận khác không liên quan đến HĐSXKD					1.792.274.177
Thuế TNDN hiện hành					(2.567.476.093)
Thuế TNDN hoãn lại					1.030.399.101
Lợi nhuận trong kỳ					18.079.860.072

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2026 như sau:

	Sản xuất phần mềm, Kinh doanh vật tư hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Tổng
TÀI SẢN			
Các khoản phải thu	765.767.467.410	185.758.449.361	951.525.916.771
Hàng tồn kho	365.330.750.997	-	365.330.750.997
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	525.097.540	147.851.932.647	148.377.030.187
Bất động sản đầu tư		7.277.895.962	7.277.895.962
Tài sản không phân bổ			910.283.411.896
Tổng tài sản			2.382.795.005.813
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	646.868.848.992	177.084.995.469	823.953.844.461
Tổng nợ phải trả			823.953.844.461

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 01/01/2026 như sau:

	Sản xuất phần mềm, Kinh doanh vật tư hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Tổng
TÀI SẢN			
Các khoản phải thu	949.323.336.428	184.941.407.473	1.134.264.743.901
Hàng tồn kho	219.005.443.184	-	219.005.443.184
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	405.097.540	140.705.464.881	141.110.562.421
Bất động sản đầu tư		7.506.445.322	7.506.445.322
Tài sản không phân bổ			993.176.627.166
Tổng tài sản			2.495.063.821.994
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	771.898.971.530	177.084.995.469	948.983.966.999
Tổng nợ phải trả			948.983.966.999

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.3 Thông tin khác

➤ Tăng vốn điều lệ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, cụ thể như sau:

a. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 5.502.597 cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2026 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu. Phương án này sẽ được thực hiện trước Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

b. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 2.201.038 cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2026 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu. Phương án này sẽ được thực hiện cùng đợt với phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025.

c. Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: Tối đa 3.600.000 cổ phiếu.
- Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong năm 2026, thời gian phát hành cụ thể giao cho HĐQT quyết định và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành. Phương án này sẽ được thực hiện sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

Khoản mục	MS	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Các khoản tương đương tiền	112	282.092.350.809	281.898.000.000	194.350.809
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	198.657.746.918	63.894.109.589	134.763.637.329
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	125.059.397.555	(125.059.397.555)
Phải thu ngắn hạn khác	135	112.730.528.248	122.629.118.831	(9.898.590.583)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	1.066.150.648	-	1.066.150.648
Phải trả ngắn hạn khác	320	4.545.105.543	5.611.256.191	(1.066.150.648)

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đậu Thị Lý

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng